

Số: 01/2024/QĐST-DS

Vĩnh Long, ngày 04 tháng 4 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 27 tháng 3 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 02/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lê Minh T; Cư trú tại: Số B Somerset Ave S, CA I United S.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Dương Thùy T1; Cư trú tại: Số E, đường M, khóm B, phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (Văn bản ủy quyền ngày 15/12/2023).

- *Bị đơn*: Ông Lê Minh H, sinh năm 1955; Cư trú tại: Số H, đường N, phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Địa chỉ liên hệ: Số G, đường A, phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; Trụ sở: Số A, đường P, phường I, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

2. Ông Lê Minh H1; Cư trú tại: Số C, Alfred Avenue S, Australia.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lê Minh H1: Chị Dương Thùy T1; Cư trú tại: Số E, đường M, khóm B, phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (Văn bản ủy quyền ngày 15/01/2024).

3. Bà Lê Thị B, sinh năm 1957; Cư trú tại: Số G, đường A, phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

4. Ban Q Xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn – Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh V.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về nội dung:

- Chia cho ông Lê Minh T được hưởng số tiền 300.000.000 đồng tiền bồi thường một phần thửa đất số 30 do Nhà nước thu hồi đối với hộ bà Trần Thị B1. Số tiền trên hiện đang lưu giữ tại Ban Q thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh V và Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố V.

Ông Lê Minh T liên hệ Ban Q các công trình Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh V và Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố V để được chi trả số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

- Chia cho ông Lê Minh H được hưởng số tiền 3.049.353.730 đồng tiền bồi thường một phần thửa đất số 30 và tài sản gắn liền với đất do Nhà nước thu hồi đối với hộ bà Trần Thị B1. Số tiền trên hiện đang lưu giữ tại Ban Q thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh V và Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố V.

Ông Lê Minh Hoàng liên h Ban Q các công trình Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh V và Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố V để được chi trả số tiền 3.049.353.730 đồng (Ba tỷ không trăm bốn mươi chín triệu ba trăm năm mươi ba ngàn bảy trăm ba mươi đồng).

- Chia cho ông Lê Minh H được quyền sử dụng các phần đất như sau:

+ Thửa 30, diện tích đo đạc thực tế 197m², tờ bản đồ số 9, loại đất ODT, tọa lạc tại phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, gồm các mốc (1,2,3,4,1). Trên đất có hàng rào (giáp đường N), loại công trình cấp 4 được xây dựng khoảng năm 2021; kết cấu móng trụ đà bê tông cốt thép, tường xây gạch dày 100 + rào song sắt; diện tích sử dụng 41,4m² và nền bê tông.

+ Thửa 165, diện tích đo đạc thực tế 6684,3m², tờ bản đồ số 11, loại đất ODT + CLN, tọa lạc tại phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, gồm các mốc (1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 1; 20, 21, 22, 23, 20; 24, 25, 26, 27, 24; 28, 29, 30, 31, 32, 33, 28; 34, 35, 36, 37, 34). Trên đất có nhà ở, nhà xe, nhà tạm, mái che, chòi nghỉ, kho chứa, nền đổ bê tông, nền lát xi măng, chuồng trại chăn nuôi, 03 ngôi mộ, 04 kim đỉnh, 50 cây dừa.

+ Thửa số 9, diện tích đo đạc thực tế 127,4m², tờ bản đồ số 11, loại đất NTS, tọa lạc tại phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, gồm các mốc (34,35,36,37,34).

+ Thửa số 5, diện tích đo đạc thực tế 137,5m², tờ bản đồ số 10, loại đất NTS, tọa lạc tại phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, gồm các mốc (20,21,22,23,20).

+ Thửa số 10, diện tích đo đạc thực tế 53,9m², tờ bản đồ số 10, loại đất NTD, tọa lạc tại phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, gồm các mốc (24,25,26,27,24). Trên đất có 01 ngôi mộ đá, 02 mộ đá lát hoa cương, 02 kim đỉnh.

+ Thửa số 18, diện tích đo đạc thực tế 233,8m², tờ bản đồ số 10, loại đất NTS, tọa lạc tại phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, gồm các mốc (28,29,30,31,32,33,28).

(Kèm theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 27/3/2024 của Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh V).

Hiện ông Lê Minh H đang quản lý sử dụng các phần đất và tài sản gắn liền với các thửa đất trên. Ông Lê Minh H có nghĩa vụ đăng ký kê khai quyền sử dụng đất đối với các thửa đất trên theo quy định của pháp luật.

2. Về chi phí khảo sát đo đạc và định giá tài sản:

Ông Lê Minh H phải chịu chi phí là 9.134.000 đồng (Chín triệu một trăm ba mươi bốn nghìn đồng). Ông H đã nộp xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 50.000.000 đồng theo biên lai thu số 0014888 ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Sau khi khấu trừ hoàn trả lại cho ông Lê Minh T số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng).

- Ông Lê Minh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 142.484.000 đồng (Một trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn đồng). Ông Lê Minh H sinh năm 1955 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Căn cứ theo Điều 2 Luật Người Cao tuổi và Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Minh H.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành dân dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh VL: 02;
- CA: 01;
- Cục THADS TVL: 01;
- Các đương sự: 06;
- Phòng HCTP: 01;
- Lưu: 04.

THẨM PHÁN

Sơn Nữ Phà Ca